

Qualified Services
with Global
Understanding and Vision

Local Expertise
International Presence

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần VRG - Bảo Lộc trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần VRG - Bảo Lộc (viết tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty TNHH B.O.T Thủy điện Bảo Lộc được thành lập năm 2002. Năm 2008, Công ty TNHH B.O.T Thủy điện Bảo Lộc chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 5800345732 lần đầu ngày 24/01/2008, thay đổi bổ sung lần thứ 04 ngày 27/04/2015.

Vốn Điều lệ: 260.213.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi tỷ, hai trăm mười ba triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty: Số 263 đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Nhà máy Thủy điện Bảo Lộc: xã Hòa Nam, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề của Công ty: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Kinh doanh điện và đào tạo công nhân vận hành nhà máy điện.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị

Ông	Đỗ Hữu Phước	Chủ tịch HĐQT	
Ông	Nguyễn Văn Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1/7/2020
Ông	Phan Văn Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1/7/2020
Ông	Nguyễn Lập	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 1/7/2020
Ông	Lê Quang Trương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 1/7/2020
Ông	Nguyễn Văn Thạc	Thành viên	
Ông	Nguyễn Văn Xiêm	Thành viên	

Ban Kiểm soát

Bà	Trần Thị Thanh Nga	Trưởng ban kiểm soát
Ông	Lê Thanh Ngọc	Thành viên
Ông	Triệu Kim Thủy	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông	Nguyễn Văn Cường	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1/7/2020
Ông	Nguyễn Lập	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1/7/2020
Ông	Hồ Ngọc Phương	Phó Tổng Giám đốc	

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty, cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Trong việc lập Báo cáo tài chính Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính của Công ty hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính của Công ty không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính của Công ty phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc, 



Nguyễn Văn Cường
Tổng Giám đốc

Bào Lộc, ngày 18 tháng 02 năm 2021

*Số: 81/2021/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM-NV3***BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Về Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần VRG - Bảo Lộc****Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần VRG - Bảo Lộc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần VRG – Bảo Lộc, được lập ngày 18/02/2021, từ trang 06 đến trang 23 kèm theo, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần VRG – Bảo Lộc tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



A blue ink signature, likely belonging to Lưu Anh Tuấn, the auditor.

Bùi Thị Thúy**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy ủy quyền số: 04/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2021

Lưu Anh Tuấn**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1026-2019-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		301.718.366.603	217.157.413.110
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.440.065.032	8.543.266.844
1. Tiền	111		2.440.065.032	8.543.266.844
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	261.000.000.000	173.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		261.000.000.000	173.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.393.063.141	26.229.847.962
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	17.980.573.320	16.257.133.547
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	60.000.000	185.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	10.352.489.821	9.787.714.415
IV. Hàng tồn kho	140		8.640.258.225	9.086.799.021
1. Hàng tồn kho	141	5.6	8.640.258.225	9.086.799.021
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.244.980.205	297.499.283
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	1.244.980.205	297.499.283
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		379.232.669.592	395.199.755.490
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		349.366.120.315	367.660.398.098
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	349.366.120.315	367.660.398.098
Nguyên giá	222		600.823.526.271	600.042.026.576
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(251.457.405.956)	(232.381.628.478)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		29.866.549.277	27.539.357.392
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	19.522.215.877	15.853.409.992
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	5.6	10.344.333.400	11.685.947.400
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		680.951.036.195	612.357.168.600

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		12.236.110.120	11.338.835.026
I. Nợ ngắn hạn	310		12.236.110.120	11.338.835.026
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	1.975.111.907	1.695.747.405
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	3.403.910.592	3.905.759.011
4. Phải trả người lao động	314		5.763.639.282	4.245.227.573
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	397.776.924	317.496.348
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	121.298.579	308.442.853
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		574.372.836	866.161.836
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		668.714.926.075	601.018.333.574
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.13	668.714.926.075	601.018.333.574
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		260.213.000.000	260.213.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>260.213.000.000</i>	<i>260.213.000.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		230.000.000	230.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.826.450.000	9.826.450.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		398.445.476.075	330.748.883.574
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến</i>				
- cuối kỳ trước	421a		326.287.669.574	262.814.610.698
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		72.157.806.501	67.934.272.876
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		680.951.036.195	612.357.168.600
(440 = 300 + 400)				

Bảo Lộc, ngày 18 tháng 02 năm 2021

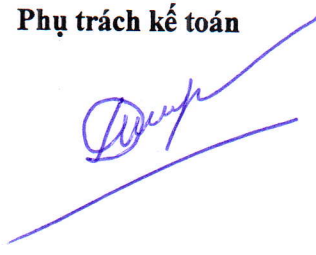
Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thanh Thúy



Nguyễn Đức Anh



Nguyễn Văn Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.14	142.038.360.499	142.988.353.179
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	5.14	142.038.360.499	142.988.353.179
4. Giá vốn hàng bán	11	5.15	64.507.672.086	66.228.548.649
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		77.530.688.413	76.759.804.530
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	9.849.484.306	6.741.031.149
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.17	12.549.103.450	11.806.091.915
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)	30		74.831.069.269	71.694.743.764
11. Thu nhập khác	31	5.18	270.377.960	223.783.423
12. Chi phí khác	32	5.18	318.089.269	385.508.218
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	5.18	(47.711.309)	(161.724.795)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		74.783.357.960	71.533.018.969
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.19	2.625.551.459	3.598.746.093
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		72.157.806.501	67.934.272.876
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.20	2.602	2.457

Bảo Lộc, ngày 18 tháng 02 năm 2021

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thanh Thúy



Nguyễn Đức Anh



Nguyễn Văn Cường

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh			
1. Thu từ bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	01	154.518.756.776	156.387.628.192
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02	(23.454.486.374)	(28.460.652.404)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(19.499.729.731)	(21.731.472.840)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(3.100.000.000)	(3.241.759.796)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	388.942.605	203.642.958
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(35.757.535.429)	(34.054.705.791)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	73.095.947.847	69.102.680.319
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	(199.765.471)	(1.050.780.000)
3. Chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(210.000.000.000)	(118.000.000.000)
4. Thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	122.000.000.000	52.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.000.615.812	5.672.883.203
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(79.199.149.659)	(61.377.896.797)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(6.103.201.812)	7.724.783.522
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8.543.266.844	818.483.322
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.440.065.032	8.543.266.844

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thanh Thúy

Drop

Nguyễn Đức Anh



Nguyễn Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần VRG - Bảo Lộc (viết tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty TNHH B.O.T Thủy điện Bảo Lộc được thành lập năm 2002. Năm 2008, Công ty TNHH B.O.T Thủy điện Bảo Lộc chuyển đổi mô hình hoạt động sang hình thức công ty cổ phần và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 5800345732 lần đầu ngày 24/01/2008, thay đổi bổ sung lần thứ 04 ngày 27/04/2015.

Vốn Điều lệ: 260.213.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi tỷ, hai trăm mười ba triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty: Số 263 đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Nhà máy Thủy điện Bảo Lộc: xã Hòa Nam, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh thủy điện;
- Xây dựng công trình: Giao thông, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp, thủy điện;
- Sản xuất, khai thác vật liệu xây dựng;
- Đào tạo nhân công vận hành nhà máy thủy điện.
- ...

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển. Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư khác: Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 -12 tháng, được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản tiền gửi có kỳ hạn: Việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị có thể thu hồi được của khoản đầu tư khi giá trị có thể thu hồi được thấp hơn giá trị thu hồi theo thỏa thuận trong hợp đồng tiền gửi tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, khoản tổn thất sẽ ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm. Trường hợp không xác định được một cách tin cậy, việc lập dự phòng sẽ không được ghi nhận, tuy nhiên Công ty sẽ thuyết minh bổ xung các thông tin cần thiết về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để dự trữ không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn: Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Giá vốn được ghi nhận toàn bộ theo thực tế mà Công ty phải bỏ ra để sản xuất được số lượng sản phẩm điện (Kw) để bán, không có chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**a. Nguyên tắc kế toán**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 - 50
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 10
Máy móc thiết bị	10 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

Ngoài phương pháp khấu hao đường thẳng, Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm theo hướng dẫn trích khấu hao tại Công văn số 526/CT-KTrT ngày 10/03/2011 của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng. Cụ thể:

- Tuabin và thiết bị phụ trợ;
- Máy phát điện, máy biến áp;
- Cầu trục nhà máy;
- Thiết bị cơ khí thủy công;
- Hệ thống thông tin liên lạc và phòng cháy chữa cháy nhà máy.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 02 - 03 năm;
- Các chi phí sửa chữa, khắc phục sự cố phát sinh một lần quá lớn, Công ty thực hiện phân bổ phù hợp trong thời gian dự kiến thu được lợi ích kinh tế.
- Chi phí trả trước khác, căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian dự kiến thu được lợi ích kinh tế (nhưng không quá 03 năm).

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả.
- Chi phí trích trước dịch vụ môi trường rừng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ: Là khoản Công ty chi thanh toán để mua lại cổ phiếu của chính Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội cổ đông thường niên của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng: được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu và giá vốn bán điện: Doanh thu được ghi nhận khi quyền sở hữu sản lượng điện được chuyển giao từ Bên bán sang Bên mua tại điểm giao nhận điện. Giá bán điện được áp dụng theo Biểu giá chi phí tránh được do Cục điều tiết điện lực – Bộ Công thương Việt Nam công bố hàng năm hoặc theo sự điều chỉnh, quy định của Bộ Công thương Việt Nam tại từng thời điểm.

Giá vốn được ghi nhận toàn bộ theo chi phí thực tế mà Công ty bỏ ra để sản xuất được số lượng sản lượng điện (Kw) đã bán, không có chi phí sản xuất dở dang ở cuối kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Thuế thu nhập doanh nghiệp và các thuế khác

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế nhân với thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành Công ty được áp dụng là 10%. Công ty được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp phát sinh từ năm 2014 – 2022.

Thuế suất thuế GTGT của phí dịch vụ môi trường là: 10%.

Thuế suất thuế tài nguyên nước: 5%.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	1.116.986.340	1.423.659.287
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.323.078.692	7.119.607.557
Tổng	2.440.065.032	8.543.266.844

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi kỳ hạn 06 tháng				
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bảo Lộc	217.000.000.000	217.000.000.000	144.000.000.000	144.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Đồng Nai	34.000.000.000	34.000.000.000	29.000.000.000	29.000.000.000
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN TP.HCM	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Tổng	261.000.000.000	261.000.000.000	173.000.000.000	173.000.000.000

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	17.980.573.320	16.257.133.547
Tổng	17.980.573.320	16.257.133.547

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Song Thành Công	-	140.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển kỹ thuật tài nguyên nước	-	20.000.000
Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM	35.000.000	-
Đối tượng khác	25.000.000	25.000.000
Tổng	60.000.000	185.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09-DN

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư Nhà máy Thủy điện (*)	6.849.590.741	-	6.849.590.741	-
Ngân hàng BIDV Bảo Lộc	2.623.241.096	-	1.913.515.068	-
Ngân hàng BIDV Đồng Nai	379.800.000	-	250.520.548	-
Ngân Vietcombank-CN TPHCM	9.863.014	-	-	-
Tạm ứng của CBNV	262.448.431	-	217.598.941	-
Phải thu khác	227.546.539	-	556.489.117	-
Tổng	10.352.489.821	-	9.787.714.415	-

(*) Khoản hỗ trợ lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng phải cấp theo Hợp đồng hỗ trợ sau đầu tư số 01/2010/HĐHTSDT-NHPT ngày 30/08/2010.

5.6 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a) Hàng tồn kho	8.640.258.225	-	9.086.799.021	-
Nguyên liệu, vật liệu	8.462.255.907	-	8.933.003.521	-
Công cụ, dụng cụ	178.002.318	-	153.795.500	-
b) Tài sản dài hạn khác	10.344.333.400	-	11.685.947.400	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	10.344.333.400	-	11.685.947.400	-
Tổng	18.984.591.625	-	20.772.746.421	-

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.244.980.205	297.499.283
Chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí khác	452.499.464	235.934.556
Chi phí sửa chữa TSCĐ	792.480.741	61.564.727
b) Dài hạn	19.522.215.877	15.853.409.992
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, thay thế thiết bị	17.307.181.057	14.617.949.575
Chi phí công cụ dụng cụ và chi phí khác	2.215.034.820	1.235.460.417
Tổng	20.767.196.082	16.150.909.275

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09-DN

5.8 Tài sản cố định

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	405.025.156.798	139.896.681.059	55.009.654.692	110.534.027	600.042.026.576
Mua trong năm	-	465.971.110	-	124.365.455	590.336.565
Đầu tư XD CB hoàn thành	191.163.130	-	-	-	191.163.130
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số cuối năm	405.216.319.928	140.362.652.169	55.009.654.692	234.899.482	600.823.526.271
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số đầu năm	126.876.041.196	62.980.330.880	42.414.722.375	110.534.027	232.381.628.478
Khấu hao trong năm	12.682.981.117	5.099.486.930	1.293.133.232	176.199	19.075.777.478
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số cuối năm	139.559.022.313	68.079.817.810	43.707.855.607	110.710.226	251.457.405.956
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	278.149.115.602	76.916.350.179	12.594.932.317	-	367.660.398.098
Số cuối năm	265.657.297.615	72.282.834.359	11.301.799.085	124.189.256	349.366.120.315

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao đang sử dụng

41.141.424.778

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Số có khả năng Giá trị trả nợ		Số có khả năng Giá trị trả nợ	
Công ty Truyền tải điện 3	292.859.200	292.859.200	726.798.563	726.798.563
Công ty TNHH Vũ Văn Lợi - Lâm Đồng	141.105.283	141.105.283	610.184.252	610.184.252
Công ty TNHH ĐTXD và TM Thành Nhân	-	-	165.386.583	165.386.583
Công ty Viễn Thông Điện Lực & CNTT - CN TĐ Điện Lực Việt Nam	-	-	70.591.057	70.591.057
Công ty TNHH Thanh Thanh Bình	606.899.119	606.899.119	-	-
Công ty TNHH VinaSpare	211.477.000	211.477.000	-	-
Công ty TNHH XD điện Bách Khoa	343.091.221	343.091.221	-	-
Đài khí tượng thủy văn tỉnh Lâm Đồng	85.549.200	85.549.200	-	-
Các đối tượng khác	294.130.884	294.130.884	122.786.950	122.786.950
Tổng	1.975.111.907	1.975.111.907	1.695.747.405	1.695.747.405

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09-DN

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2020	Số phát sinh trong năm		31/12/2020
	Phải nộp	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.217.462.342	12.017.595.758	11.993.683.004	1.241.375.096
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.398.746.093	2.625.551.459	3.100.000.000	924.297.552
Thuế thu nhập cá nhân	467.393.783	284.079.539	543.278.723	208.194.599
Thuế tài nguyên	822.156.793	11.305.431.396	11.097.544.844	1.030.043.345
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	123.050.885	123.050.885	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.485.000	4.485.000	-
Tổng	3.905.759.011	26.360.194.037	26.862.042.456	3.403.910.592

5.11 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Trích trước chi phí dịch vụ môi trường rừng	397.776.924	317.496.348
Tổng	397.776.924	317.496.348

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Kinh phí công đoàn	3.833.672	34.359.280
Cổ tức, lợi nhuận	62.375.952	62.375.952
Các khoản khác	55.088.955	211.707.621
Tổng	121.298.579	308.442.853

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BÁO LỘC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Vốn chủ sở hữu

Đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
					Tổng
Số dư 01/01/2019	260.213.000.000	230.000.000	9.826.450.000	267.399.610.698	537.669.060.698
Lợi nhuận trong năm trước				67.934.272.876	67.934.272.876
Trích lập các quỹ				4.585.000.000	4.585.000.000
Số dư 31/12/2019	260.213.000.000	230.000.000	9.826.450.000	330.748.883.574	601.018.333.574
Số dư 01/01/2020	260.213.000.000	230.000.000	9.826.450.000	330.748.883.574	601.018.333.574
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	72.157.806.501	72.157.806.501
Trích lập các quỹ	-	-	-	4.461.214.000	4.461.214.000
Số dư 31/12/2020	260.213.000.000	230.000.000	9.826.450.000	398.445.476.075	668.714.926.075

Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	184.826.100.000	184.826.100.000
Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê	25.765.220.000	25.765.220.000
Tổng Công ty Xây dựng Thủy Lợi 4 - CTCP	22.981.560.000	22.981.560.000
Cổ đông khác	26.640.120.000	26.640.120.000
Tổng	260.213.000.000	260.213.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp tại ngày đầu năm	260.213.000.000	260.213.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp tại ngày cuối năm	260.213.000.000	260.213.000.000
Cổ tức đã chia	-	-
Cổ phiếu		
	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.021.300	26.021.300
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	26.021.300	26.021.300
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.021.300	26.021.300
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ)	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.021.300	26.021.300
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.021.300	26.021.300
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

5.14 Doanh thu bán hàng

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán điện	142.038.360.499	142.988.353.179
Tổng	142.038.360.499	142.988.353.179

5.15 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn bán điện	64.507.672.086	66.228.548.649
Tổng	64.507.672.086	66.228.548.649

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	9.849.484.306	6.741.031.149
Tổng	9.849.484.306	6.741.031.149

5.17 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.071.705.951	7.566.492.154
Chi phí vật liệu, CCDC quản lý	622.625.006	626.743.179
Chi phí khấu hao	755.144.280	700.689.216
Thuế, phí, lệ phí	126.050.885	126.050.885
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.103.199.291	1.029.323.505
Chi phí khác bằng tiền	1.870.378.037	1.756.792.976
Tổng	12.549.103.450	11.806.091.915

5.18 Lợi nhuận khác

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập khác	270.377.960	223.783.423
Xử lý công nợ	-	16.392.707
Thu hồi từ bồi thường	270.377.960	207.390.716
Chi phí khác	318.089.269	385.508.218
Phạt vi phạm thuế và tiền phạt hành chính	-	-
Chi phí khác	318.089.269	385.508.218
Lợi nhuận khác	(47.711.309)	(161.724.795)

5.19 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	74.783.357.960	71.533.018.969
Điều chỉnh tăng	232.398.000	441.902.889
Điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	75.015.755.960	71.974.921.858
Thuế suất hiện hành 10%	10%*50%	10%*50%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.750.787.798	3.598.746.093
Giảm 30% theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP	(1.125.236.339)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.625.551.459	3.598.746.093

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	72.157.806.501	67.934.272.876
Điều chỉnh tăng, giảm LN kế toán để xác định Lãi (Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	4.461.214.000	3.998.794.575
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	67.696.592.501	63.935.478.301
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	26.021.300	26.021.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.602	2.457

5.21 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.004.144.414	1.182.601.130
Chi phí nhân công	19.514.149.713	18.812.399.390
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.075.777.478	22.817.687.134
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.529.898.090	15.242.403.513
Chi phí khác bằng tiền	22.932.805.841	19.979.549.397
Tổng	77.056.775.536	78.034.640.564

5.22 Công cụ tài chính

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Điều 128 của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp: Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định tại Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 do Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán công cụ tài chính chưa được ban hành.

6. Thông tin khác**6.1 Thông tin về các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Quyền biểu quyết
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Công ty Mẹ	71%
Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê	Cổ đông	10%
Tổng Công ty Xây dựng Thủy Lợi 4 - CTCP	Cổ đông	9%
HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban TGD	Nhân sự quản trị, điều hành chủ chốt	Theo Điều lệ tổ chức hoạt động

Trong năm 2020, ngoài chi trả lương, thù lao cho HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc, Công ty không phát sinh bất kỳ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, vay vốn ... với các bên liên quan của Công ty.

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch với nhân sự chủ chốt**

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Thù lao, lương và thu nhập khác	2.046.142.000	2.278.209.000
Tổng		2.046.142.000	2.278.209.000

6.2 Thông tin về báo cáo bộ phận

Công ty có duy nhất một hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thủy điện trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam, do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận thấy không cần thiết phải trình bày báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn các điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý được quy định tại Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận”.

6.3 Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính năm 2020 được lập dựa trên cơ sở Công ty đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai (12 tháng). Công ty không có ý định giải thể hay ngừng hoạt động kinh doanh cũng như bị buộc phải thu hẹp đáng kể hoạt động kinh doanh.

6.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM –Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT với ý kiến chấp nhận toàn phần.

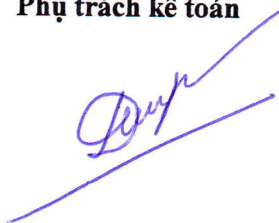
Bảo Lộc, ngày 18 tháng 02 năm 2021

Người lập



Trần Thị Thanh Thúy

Phụ trách kế toán



Nguyễn Đức Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Cường